

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HK1 - NĂM HỌC 2023-2024 THEO NĐ81/2021/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 89/QĐ-THCSHG ngày 15/12/2023 của Hiệu trưởng trường THCS Hậu Giang)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HS/THÁNG	SỐ THÁNG HỌC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	HỌ NGÈO GIẢM 100% HỌC PHÍ					
1	Dương Gia Tuệ	6/3	140.000	4	560.000	
2	Trương Lập Nhân	6/5	140.000	4	560.000	
3	Lâm Toàn Phúc	6/6	140.000	4	560.000	
4	Nguyễn Quốc Thịnh	6/8	140.000	4	560.000	
5	Triệu Thuận	6/8	140.000	4	560.000	
6	Quan Cẩm Toàn	6/9	140.000	4	560.000	
7	Lương Cẩm Long	6/9	140.000	4	560.000	
8	Nguyễn Quốc Huy	6/9	140.000	4	560.000	
9	Nguyễn Lê Khánh Uyên	6/9	140.000	4	560.000	
10	Lê Gia Hùng	6/10	140.000	4	560.000	
11	Lê Gia Bảo	6/10	140.000	4	560.000	
12	Phạm Tuấn Hưng	6/10	140.000	4	560.000	
13	Huỳnh Hữu Thiện	6/10	140.000	4	560.000	
14	Trương Ngọc Minh Quân	6/11	140.000	4	560.000	
15	Nguyễn Đức Trí	6/11	140.000	4	560.000	
16	Trần Ánh Thương	6/11	140.000	4	560.000	
17	Trần Khả Đình	7/6	140.000	4	560.000	
18	Phan Gia Huy	7/8	140.000	4	560.000	
19	Nguyễn Hoàng Phúc	7/8	140.000	4	560.000	
20	Đặng Phúc Minh Quân	7/8	140.000	4	560.000	
21	Phạm Tấn Thịnh	7/8	140.000	4	560.000	
22	Quang Quốc Tín	7/8	140.000	4	560.000	
23	Lao Gia Phúc	7/9	140.000	4	560.000	
24	Dương Khả Di	7/9	140.000	4	560.000	
25	Trương Ngọc Bích Tuyền	7/9	140.000	4	560.000	
26	Nguyễn Lâm Tứ	8/2	140.000	4	560.000	
27	Nguyễn Hải Quý	8/2	140.000	4	560.000	
28	Lý Thanh Thiện	8/3	140.000	4	560.000	
29	Liêu Thoại Thanh Vy	8/4	140.000	4	560.000	
30	Trịnh Gia Tuệ	8/4	140.000	4	560.000	
31	Trần Văn Đạt	8/5	140.000	4	560.000	
32	Huỳnh Trung Thành	8/6	140.000	4	560.000	
33	Dương Bửu Nhi	9/2	140.000	4	560.000	



STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HS/THÁNG	SỐ THÁNG HỌC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
34	Trương Bích Duy	9/4	140.000	4	560.000	
35	Lao Gia Bảo	9/8	140.000	4	560.000	
36	Phạm Minh Thiện	9/8	140.000	4	560.000	
37	Mạch Chí Sang	9/9	140.000	4	560.000	
II KHUYẾT TẬT GIẢM 100% HỌC PHÍ						
1	Trần Nguyễn Minh Trí	6/11	60.000	4	240.000	
2	Lê Vạn Lâm	7/3	60.000	4	240.000	
3	Nguyễn Duy Anh	7/7	60.000	4	240.000	
4	Trang Nhật Long	7/7	60.000	4	240.000	
5	Lâm Tiết Mai	7/8	60.000	4	240.000	
6	Lê Quỳnh Lam	9/1	60.000	4	240.000	
7	Nguyễn Minh Đại	9/5	60.000	4	240.000	
8	Nguyễn Doanh Toại	9/6	60.000	4	240.000	
9	Lôi Chí Hào	9/7	60.000	4	240.000	
10	Hứa Minh Nhựt	9/8	60.000	2	120.000	
III HỘ CẬN NGHÈO GIẢM 50% HỌC PHÍ						
1	Trần Quỳnh Anh	6/5	70.000	4	280.000	
2	Thăng Quế Uyên	6/5	70.000	4	280.000	
3	Vì Tuấn Phong	6/5	70.000	4	280.000	
4	Nguyễn Duy Gia Hưng	6/6	70.000	4	280.000	
5	Phạm Kim Phúc	6/7	70.000	4	280.000	
6	Lư Gia Bảo	6/7	70.000	4	280.000	
7	Huỳnh Lê Tiến Đạt	6/9	70.000	4	280.000	
8	Trần Mỹ Linh	6/10	70.000	4	280.000	
9	Nguyễn Chí Vinh	6/11	70.000	4	280.000	
10	Phạm Trần Nguyễn Ngôn	6/11	70.000	4	280.000	
11	Ngô Hà Hải Yến	7/3	70.000	4	280.000	
12	Trương Ý Hân	7/5	70.000	4	280.000	
13	Huỳnh Ngọc Tường Vân	7/5	70.000	4	280.000	
14	Lê Bảo Ngọc Trân	7/8	70.000	4	280.000	
15	Lê Nguyễn Thanh Như	7/9	70.000	4	280.000	
16	Kha Gia Hân	8/1	70.000	4	280.000	
17	Trần Kỳ Vũ	8/1	70.000	4	280.000	
18	Lê Hoàng Minh	8/5	70.000	4	280.000	
19	Hà Trọng Phú	8/6	70.000	4	280.000	
20	Lê Phi Long	8/6	70.000	4	280.000	
21	Trương Ý Vy	9/6	70.000	4	280.000	
22	Huỳnh Ngọc Tường Vi	9/8	70.000	4	280.000	
23	Mai Bảo Đạt	9/8	70.000	4	280.000	
24	Nguyễn Hoàng Thiên	9/9	70.000	4	280.000	
25	Lê Hoàng Nhân	9/9	70.000	4	280.000	

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HS/THÁNG	SỐ THÁNG HỌC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
26	Lương Quốc Thắng	9/9	70.000	4	280.000	
	Tổng cộng				30.280.000	

Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Kế toán



Võ Việt Hà

Ngày 15 tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng



Huỳnh Minh Diễm Phúc

